

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HS-ST

Ngày 22 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T .

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 N 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2022/TLST - HS ngày 26 tháng 9 N 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST - HS ngày 13/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐHPT ngày 27/10/2022 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05 tháng 01 năm 2000 tại thị trấn S, huyện T, tỉnh T; Nơi ĐKKH: Khu phố 7 thị trấn S, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Hà Văn L , sinh N 1979; Mẹ: Phạm Thị T , sinh N 1978; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ: Lê Thị U sinh N 2002; Có 01 con sinh N 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2022 đến nay.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

2. Hà Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08 tháng 9 năm 2001 tại xã X, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn Đ xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Hà Văn P , sinh N 1975; Mẹ: Nguyễn Thị H , sinh N 1979; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 1; Chưa có vợ con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 27/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 07(Bảy) tháng tù về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Ngày 13/11/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Chưa nộp án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

3. Hà Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16 tháng 4 năm 2000 tại xã X, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn Bàn Lai xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 6/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Hà Văn T, sinh N 1970; Mẹ: Quách Thị H, sinh N 1973; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bùi Văn N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20 tháng 8 N 1998 tại thị trấn S, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố 9 thị trấn S, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Bùi Văn C, sinh N 1963; Mẹ: Hà Thị T, sinh N 1963; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ 5; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19 tháng 5 N 1989 tại xã X, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn M 1 xã X, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Nguyễn Văn H, sinh N 1963; Mẹ: Hồ Thị L, sinh N 1967; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh T xử phạt 18(mười tám) tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 09/11/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Ngày 23/11/2018 đã nộp tiền án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho Bị cáo Hà Văn T:*

Ông Trịnh Đình H. Trợ giúp viên pháp lý. Có mặt

Nơi công tác: Chi nhánh số 6 - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T

- *Bị hại:* 1. Anh Dương Quang C, sinh 1998. Có mặt

2. Anh Lê Tuấn A, sinh 1994. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 6 xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh T.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Xuân T; Sinh 1980. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 6 xã T, huyện T, tỉnh T.

2. Anh Hà Văn T, sinh 1991. Vắng mặt

Trú tại: Thôn B xã X, huyện T, tỉnh T.

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh 1984. Vắng mặt
4. Anh Lê Đức T, sinh 1971. Vắng mặt
5. Anh Trần Xuân V, sinh 1971. Vắng mặt
6. Chị Trương Thị M, sinh 1978. Vắng mặt
7. Chị Phạm Thị H, sinh 1986. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố T thị trấn S, huyện T, tỉnh T.

8. Ông Lê Minh H, sinh 1959. Vắng mặt
9. Anh Lê Đình T, sinh 1995. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố X, thị trấn S, huyện T, tỉnh T.

10. Anh Phạm Văn T, sinh 1983. Vắng mặt
11. Anh Phạm Văn H, sinh 1990. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn C xã X, huyện T, tỉnh T.

12. Anh Cao Bá N, sinh 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Q xã T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 30/3/2022 Hà Văn T, Nguyễn Văn L, Hà Văn T, Hà Văn H, Bùi Văn N, Hà Văn Tâm, Phạm Văn N, Phạm Văn T, Phạm Văn H cùng đến quán ăn H ở khu phố T, thị trấn S để ăn uống.

Khoảng 23h 40 phút cùng ngày thì có Lê Xuân T, Lê T A và Dương Quang C đến quán ăn uống. Quá trình ăn uống hai nhóm có giao lưu với nhau, do Lê Xuân T quen biết Hà Văn T nên sau đó nhóm của T sang ngồi ăn uống cùng nhóm của T. Hai nhóm ngồi ăn uống đến khoảng 0h 30 phút ngày 31/3/2022 thì nghỉ và thanh toán tiền. Lúc này Dương Quang C và Bùi Văn N đứng dậy ra ngoài đi vệ sinh, khi quay vào quán thì cả hai sảy ra mâu thuẫn nên được mọi người can ngăn. Tuy nhiên C không nghe mà có những lời lẽ thách thức, dùng chân đạp về phía N nhưng không trúng vì được anh T ôm giữ lại. Nguyễn Văn L đứng dậy dùng tay phải túm vào cổ C đẩy lùi ra phía cửa quán. Hà Văn T cầm cốc thủy tinh dùng để uống bia đập 02 cái vào đầu của C làm vỡ cốc. Thấy vậy Hà Văn H cũng cầm cốc uống bia đập 03 cái liên tiếp vào vùng đầu của C khiến C ngã sập xuống nền quán. Hà Văn T cầm ghế nhựa đang ngồi định đánh C nhưng thấy C ngã xuống nên dừng lại. Sau khi thấy C ngã ra nền quán thì Bùi Văn N dùng chân đạp 02 cái vào người của C.

Thấy hai nhóm đánh nhau nên Phạm Văn H chạy ra can ngăn. C đứng dậy bỏ chạy về hướng ngã tư thị trấn S thì H cầm cốc thủy tinh và N cùng truy đuổi nhưng được anh Hà Văn T hô dừng lại nên không đuổi theo nữa mà quay lại quán. Lê T A đang đứng tại cửa quán hô: “Đứa nào đánh em tao bước ra đây”, đúng lúc này Hà Văn H quay lại quán nên đã dùng tay phải đang cầm cốc thủy tinh đánh 02 cái liên tiếp vào vùng đầu của Lê T A. Ngay sau đó Hà Văn T cầm ghế nhựa lấy trong quán đập một cái trúng vào vùng đầu và bả vai bên phải của T Anh, Nguyễn Văn L cũng chạy lại dùng tay phải đâm một cái vào vùng mặt, một cái vào bụng làm T A phải bỏ chạy và ngã khụy xuống đường. Được mọi người can ngăn và anh H đuổi về nên sự việc kết thúc. Nhóm của Hà Văn T bỏ về, Dương Quang C và Lê T A bị thương tích nặng phải đi cấp cứu.

Vị trí xảy ra sự việc là quán ăn H ở khu phố Tân Lập, thị trấn S, giáp đường quốc lộ 47 và khu vực dân cư, tại hiện T Cơ quan điều tra đã thu giữ các mảnh vỡ thủy tinh có kích thước khác nhau, thu thập 02file video được trích xuất từ quán ăn H ghi lại toàn bộ nội dung sự việc.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của Dương Quang C xác định: 01 vết thương vùng trán đỉnh trái dài 08cm(vết thương gây lún sọ đã phẫu thuật); 01 vết thương tại đầu ngón trỏ bàn tay phải, vết rách da không rõ hình, kích thước 1,5 cm x 01cm; 01 vết thương xây xước đã liền da tại vùng gáy bên phải, kích thước 0,1cm x 02cm.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của Lê T A xác định: 01 vết thương vùng đỉnh chẩm, kích thước 01cm x 03cm; 01 vết thương vùng thái dương bên phải, kích thước 04cm x 01cm; Vùng gần mắt xương hàm bên phải có khối sưng nề, kích thước 09cm x 04cm.

Ngày 14/4/2022 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T giám định kỹ thuật số - điện tử 02file video được trích xuất từ quán ăn H. Tại Bản kết luận giám định số 1542/KL- KTHS ngày 29/4/2022 của phòng hình sự Công an tỉnh T kết luận: Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 02file tập video của 01 đĩa CD-R gửi giám định.

Ngày 14/4/2022 Cơ quan điều tra Công an huyện T Quyết định trưng cầu giám định pháp y thương tích, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với anh Dương Quang C.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 258/2022/TTPY ngày 24/4/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Dương Quang C được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 23%.

Ngày 20/6/2022 Cơ quan điều tra Công an huyện T Quyết định trưng cầu giám định bổ sung pháp y thương tích đối với anh Dương Quang C.

Tại bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 451/2022/TTPY ngày 28/6/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do bị đánh gây thương tích ở vùng gáy đầu bên phải là 01%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do bị đánh gây thương tích vào ngày 31/3/2022 đối với Dương Quang C là 24%.

Ngày 13/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định Trung tâm pháp y tỉnh T giám định pháp y thương tích, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Lê T A do bị đánh .

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 323/2022/TTPY ngày 20/5/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do bị thương tích gây nên đối với Lê T A được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 16%.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại là anh Dương Quang C yêu cầu các Bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe gồm: Đợt 1 từ 31/3/2022 đến 10/4/2022 gồm: Tiền thuốc 3.455.000đ; Viện phí 13.752.638đ; Tiền xe 1.000.000đ; Tiền mất thu nhập của Bệnh nhân 30.670.000đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc 2.800.000đ; Tiền chi phí ngoài 3.000.000đ; Tổng chi phí đợt 1 = 54.667.638đ; Đợt 2 từ ngày 21/7/2022 đến ngày 29/7/2022 gồm: Tiền thuốc 3.000.000đ; Viện phí 31.860.958đ; Tiền xe 1.000.000đ; Tiền mất thu nhập của Bệnh nhân 30.670.000đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc 2.500.000đ; Tiền chi phí ngoài 3.000.000đ; Tổng chi phí đợt 2 = 72.030.958đ; Tổng cả 2 đợt = 126.698.596đ. Ngoài ra Bị hại yêu cầu các Bị cáo phải bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần 13 tháng lương = 199.355.000đ;

Bị hại là anh Lê T A yêu cầu các Bị cáo bồi thường thiệt hại sức khỏe gồm: Đợt 1 từ 31/3/2022 đến 10/4/2022 gồm: Tiền thuốc 3000.000đ; Viện phí 6.056.252đ; Tiền xe 1.000.000đ; Tiền mất thu nhập của Bệnh nhân 4.480.000đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc 2.800.000đ; Tiền chi phí ngoài 3.000.000đ; Tổng chi phí đợt 1 = 20.336.252đ; Đợt 2 từ ngày 13/4/2022 đến ngày 27/4/2022 gồm: Viện phí 13.880.388đ; Tiền xe 1.000.000đ; Tiền mất thu nhập của Bệnh nhân 14.080.000đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc 8.800.000đ; Tiền chi phí ngoài 5.000.000đ; Tiền mua nẹp vít 3.000.000đ. Tổng chi phí đợt 2 = 45.760.388đ; Đợt 3 từ ngày 24/10/2022 đến ngày 02/11/2022 gồm: Tiền viện phí 5.684.045đ; Tiền xe 1.000.000đ; Tiền mất thu nhập bệnh nhân 2.880.000đ; Tiền công chăm sóc 1.800.000đ. Tổng chi phí đợt 3 = 11.364.045đ. Tổng cả 3 đợt = 77.304.185đ. Ngoài ra Bị hại yêu cầu các Bị cáo phải bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần theo quy định pháp luật.

Ngày 25/5/2022, gia đình bị cáo Hà Văn T đã bồi thường cho anh Lê T A và anh Dương Quang C mỗi người số tiền 10.000.000đ. Ngày 17/10/2022 gia đình bị cáo Bùi Văn N đã bồi thường cho anh Lê T A và anh Dương Quang C mỗi người số tiền 10.000.000đ.

Vật chứng gồm: Các mảnh vỡ thủy tinh(dạng cốc thủy tinh) có kích thước khác nhau hiện đang quản lý theo quy định pháp luật.

Cáo trạng số 61/CT-VKS -TX ngày 26/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Hà Văn H về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 điều 134 Bộ luật hình sự và tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Truy tố các Bị cáo: Hà Văn T, Hà Văn T, Bùi Văn N và Nguyễn Văn L về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự và tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn H phạm tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 điều 134 Bộ luật hình sự và tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Các Bị cáo: Hà Văn T, Hà Văn T, Bùi Văn N và Nguyễn Văn L phạm tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự và tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX :

- Căn cứ vào: Điểm d khoản 3 điều 134; Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Văn H

- Xử phạt: Bị cáo Hà Văn H từ 05(năm)năm tù đến 05(năm) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Từ 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù đến 02(hai) năm 09(chín) tháng tù về tội: “Gây rối trật tự công cộng” Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội từ 07(bảy) năm 06(sáu) tháng đến 08(tám)năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/4/2022.

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 điều 318; Điểm đ khoản 2 điều 134; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51 đối với các Bị cáo: Hà Văn T, Hà Văn T, Bùi Văn N và Nguyễn Văn L. Áp dụng thêm điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đối với Bị cáo Hà Văn T; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS đối với các bị cáo Hà Văn T và Bùi Văn N;

- Xử phạt: Bị cáo Hà Văn T từ 30(ba mươi) tháng đến 33(ba mươi ba) tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích " và từ 30(ba mươi) tháng đến 33(ba mươi ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội từ 05(năm)năm đến 05(năm) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/4/2022

Bị cáo Hà Văn T từ 29(hai mươi chín) tháng đến 32(Ba mươi hai) tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích " và từ 27(hai mươi bảy) tháng đến 30(Ba mươi) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung

cho cả 02 tội từ 56(năm mươi sáu) tháng đến 62(sáu mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/4/2022

Bị cáo Bùi Văn N từ 27(hai mươi bảy) tháng đến 30(ba mươi) tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích " và từ 24(hai mươi tư) tháng đến 27(hai mươi bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội từ 51(năm mươi một) tháng đến 57(năm mươi bảy)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/4/2022

Bị cáo Nguyễn Văn L từ 26(hai mươi sáu) đến 29(hai mươi chín) tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích " và từ 27(hai mươi bảy) tháng đến 30(ba mươi) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội từ 53(năm mươi ba) tháng đến 59(năm mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/4/2022;

Buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho các Bị hại gồm: Bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Dương Quang C từ 90.000.000đ đến 94.000.000đ; Bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Lê T A từ 70.000.000đ đến 74.000.000đ; Buộc các Bị cáo chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định pháp luật; Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Người bào chữa cho Bị cáo Hà Văn T trình bày ý kiến: Bị cáo Hà Văn T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình Bị cáo là hộ cận nghèo, bản thân Bị cáo nhận thức còn hạn chế. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo. Về phần dân sự: Yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của Bị hại là quá cao; Đề nghị HĐXX xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào khoảng 00h 30 phút ngày 31/3/2022 tại quán ăn H ở khu phố T , thị trấn S các bị cáo: Hà

Văn H và Hà Văn T đã có hành vi dùng cốc thủy tinh đánh vào đầu của Dương Quang C; Bị cáo Bùi Văn N dùng chân đạp vào người của Dương Quang C gây nên thương tích 24%. Bị cáo Hà Văn H dùng cốc thủy tinh đập vào đầu của Lê T A ; Bị cáo Hà Văn T dùng ghế nhựa đập vào đầu và bả vai bên phải của Lê T A ; Bị cáo Nguyễn Văn L dùng tay phải đấm vào mặt và bụng của Lê T A gây nên thương tích 16%. Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Cố ý gây thương tích”. Phương tiện dùng vào việc phạm tội là cốc thủy tinh và ghế nhựa được xem là hung khí nguy hiểm. Bị cáo Hà Văn H dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho hai người bị hại mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người là 24% và 16% nên Bị cáo Hà Văn H phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 3 điều 134 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn T đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại với tỉ lệ tổn thương cơ thể 16% nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự . Mặc dù các Bị cáo Bùi Văn N và Nguyễn Văn L dùng tay, chân gây thương tích cho Bị hại nhưng hai Bị cáo này nhìn thấy các Bị cáo khác dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho các bị hại nhưng vẫn cố ý gây thương tích cho các bị hại nên hai Bị cáo N và L tham gia với vai trò đồng phạm về tội” Cố ý gây thương tích” theo tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự .

Quá trình đánh nhau gây thương tích các Bị cáo đã dùng cốc thủy tinh, ghế nhựa truy đuổi từ trong quán ra đường quốc lộ 47, đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự công cộng. Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Gây rối trật tự công cộng". Các bị cáo đã dùng hung khí nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 2 điều 318 Bộ luật hình sự.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Hà Văn H phạm tội: "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 3 điều 134 và tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 điều 318 Bộ luật hình sự; Các Bị cáo: Hà Văn T, Hà Văn T, Bùi Văn N và Nguyễn Văn L phạm tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 điều 134 và tội: "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 61/CT-VKS -TX ngày 26/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất mức độ nghiêm trọng của vụ án: HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng.

[4]. Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: HĐXX thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân.

Mặt khác các bị cáo nhận thức rõ về hành vi dùng hung khí nguy hiểm đánh người khác sẽ gây thương tích cho nạn nhân nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của công dân. Tính mạng và sức khỏe của con người là vốn quý được pháp luật bảo vệ nhưng các bị cáo đã coi thường sức khỏe của người khác, bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Xét về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo H là người giữ vai trò chính. Bị cáo H gây thương tích cho hai Bị hại, ngoài ra Bị cáo H còn truy đuổi theo bị hại gây rối trật tự công cộng. Do đó bị cáo H xếp vai trò thứ 1 và phải chịu mức hình phạt cao nhất;

Bị cáo Hà Văn T là người thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T cầm cốc thủy tinh gây thương tích cho người bị hại; Bị cáo Hà Văn T là người là người thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T cầm ghế nhựa đập vào đầu và bả vai bên phải của Bị hại nên hai bị cáo T và T xếp vai trò ngang nhau và xếp thứ 2 trong vụ án. Các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương ứng với hành vi của mình gây ra;

Các Bị cáo Bùi Văn N và Nguyễn Văn L tham gia với vai trò đồng phạm. Do đó hai bị cáo xếp vai trò thứ 3 trong vụ án và hai Bị cáo phải chịu mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của mình.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Hà Văn T có một Tiền án: Ngày 27/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 07(Bảy) tháng tù về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Ngày 13/11/2021 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới do cố ý nên bị cáo Hà Văn T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn L có nhân thân xấu: Ngày 27/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xử phạt 18(mười tám) tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 09/11/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Gia đình các Bị cáo Hà Văn T và Bùi Văn N đã tự nguyện bồi thường được một phần nhỏ thiệt hại khắc phục hậu quả nên các Bị cáo T và N được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Về Hình phạt: Các bị cáo đều phạm 2 tội nên HĐXX áp dụng điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các Bị cáo, bắt các bị cáo cách ly xã hội một thời gian

mới đủ sức răn đe giáo dục các Bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Ngoài ra HĐXX áp dụng khoản 1 điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt.

[8] Về trách nhiệm bồi thường:

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của anh Dương Quang C thì HĐXX thấy rằng: Bị hại Dương Quang C bị chấn thương khuyết xương hộp sọ vùng trán đỉnh phải điều trị hai đợt tại Bệnh viện đa khoa H. Theo Bảng kê chi phí tại Bệnh viện đa khoa H ngày 09/4/2022 thì tổng chi phí là 13.752.638đ; Bảng kê chi phí tại Bệnh viện đa khoa H ngày 29/7/2022 thì tổng chi phí là 31.860.958đ nên có căn cứ được HĐXX chấp nhận toàn bộ chi phí 2 đợt là 45.613.596đ;

Đối với số tiền thuốc theo đơn cả hai đợt là 6.455.000đ nhưng theo Hóa đơn chứng từ thì tổng số tiền thuốc theo đơn là 3.936.000đ nên HĐXX chỉ chấp nhận số tiền thuốc là 3.936.000đ;

Đối với tiền xe cả 2 đợt là 2.000.000đ có xác nhận của chủ xe nên được HĐXX chấp nhận;

Đối với khoản tiền mất thu nhập của bệnh nhân cả hai đợt Bị hại yêu cầu là 61.340.000đ thì HĐXX xét thấy: Anh C điều trị tại Bệnh viện đa khoa H theo Giấy ra viện đợt 1 từ ngày 31/3/2022 đến ngày 09/4/2022 là 10 ngày, sau khi ra viện nghỉ lao động 10 ngày; Đợt 2 từ ngày 21/7/2022 đến ngày 29/7/2022 là 09 ngày. Theo Bệnh án sau khi ra viện nghỉ lao động 10 ngày, tổng số ngày điều trị là 39 ngày. Theo Giấy xác nhận lương của anh C là 15.335.000đ/tháng nên tiền mất thu nhập của bệnh nhân 39 ngày là 19.935.500đ. Do đó HĐXX chỉ chấp nhận tiền mất thu nhập của bệnh nhân là 19.935.500đ;

Đối với khoản tiền mất thu nhập của người chăm sóc cả hai đợt Bị hại yêu cầu là 5.300.000đ thì HĐXX xét thấy: Anh C điều trị tại Bệnh viện đa khoa Hợp Lực cả hai đợt tổng số ngày điều trị là 19 ngày nên người chăm sóc được tính là 19 ngày. Người chăm sóc không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 590 Bộ luật Dân sự áp dụng theo mức lao động phổ thông 200.000đ/ngày, do đó công người chăm sóc là 19 ngày x 200.000đ = 3.800.000đ. Do đó HĐXX chỉ chấp nhận tiền mất thu nhập của người chăm sóc là 3.800.000đ;

Đối với yêu cầu về khoản chi phí ngoài cả 2 đợt là 6.000.000đ không có căn cứ pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với yêu cầu về tổn thất tinh thần của anh C là 13 tháng lương = 199.355.000đ thì HĐXX thấy rằng: Anh C bị tổn hại 24% sức khỏe nên HĐXX căn cứ khoản 2 điều 590 chấp nhận với mức 13 tháng lương tối thiểu tại thời điểm hiện tại là 13 tháng x 1.490.000đ = 19.370.000đ.

HĐXX xét thấy Bị hại là anh Dương Quang C bị các Bị cáo: Hà Văn H, Hà Văn T và Hà Văn N gây thương tích tổn hại 24% sức khỏe nên HĐXX căn cứ điều 48 Bộ luật Hình sự và các điều 590 và 357 Bộ luật Dân sự buộc các Bị

cáo H, T và N phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Dương Quang C gồm: Chi phí điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực cả hai đợt là 45.613.596đ; Tiền thuốc 3.936.000đ; Tiền xe cả 2 đợt là 2.000.000đ; Tiền mất thu nhập của bệnh nhân là 19.935.500đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc là 3.800.000đ; Bù đắp tổn thất tinh thần = 19.370.000đ. Tổng cộng = 94.655.096.

Chia phần mỗi Bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Bị hại Dương Quang C là 31.551.698đ. Bị cáo T và bị cáo N đã bồi thường thiệt hại số tiền 10.000.000đ cho bị hại Dương Quang C, số tiền còn lại 21.551.698đ buộc hai bị cáo tiếp tục bồi thường.

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh Lê T A thì HĐXX thấy rằng: Theo Bảng kê chi phí tại Bệnh viện đa khoa Hợp Lực ngày 09/4/2022 thì tổng chi phí là 6.056.252đ; Bảng kê chi phí tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T ngày 27/4/2022 thì tổng chi phí là 13.880.388đ; Bảng kê chi phí tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T ngày 02/11/2022 thì tổng chi phí là 5.684.045đ nên có căn cứ được HĐXX chấp nhận toàn bộ chi phí 3 đợt là 25.620.685đ;

Đối với số tiền thuốc theo đơn 3.000.000đ có Hóa đơn chứng hợp pháp nên được HĐXX chấp nhận;

Đối với tiền xe cả 3 đợt là 3.000.000đ có xác nhận của chủ xe nên được HĐXX chấp nhận;

Đối với khoản tiền mua nẹp vít 3.000.000đ mặc dù không có hóa đơn nhưng đây là chi phí thực tế nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với khoản tiền mất thu nhập của bệnh nhân cả ba đợt Bị hại yêu cầu là 21.440.000đ thì HĐXX xét thấy: Anh T A điều trị tại Bệnh viện đa khoa Hợp Lực theo Giấy ra viện đợt 1 từ ngày 31/3/2022 đến ngày 09/4/2022 là 10 ngày; Đợt 2 từ ngày 13/4/2022 đến ngày 27/4/2022 là 15 ngày; Đợt 3 từ ngày 24/10/2022 đến ngày 02/11/2022 là 10 ngày, theo Bệnh án nghỉ lao động sau khi ra viện đợt 1 nghỉ lao động 10 ngày, nghỉ sau khi ra viện đợt 2 nghỉ lao động 07 ngày; Nghỉ sau khi ra viện đợt 3 nghỉ 05 ngày. Tổng số ngày điều trị là 57 ngày. Theo Giấy xác nhận lương của anh T A là 9.600.000đ/tháng nên tiền mất thu nhập của bệnh nhân 57 ngày là 18.240.000đ. Do đó HĐXX chỉ chấp nhận tiền mất thu nhập của bệnh nhân là 18.240.000đ;

Đối với khoản tiền mất thu nhập của người chăm sóc cả 3 đợt Bị hại yêu cầu là 13.400.000đ thì HĐXX xét thấy: Anh T Anh điều trị tại Bệnh viện đa khoa Hợp Lực và Bệnh viện đa khoa tỉnh T cả ba đợt tổng số ngày điều trị là 35 ngày nên người chăm sóc được tính là 35 ngày. Người chăm sóc không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 điều 590 Bộ luật Dân sự áp dụng theo mức lao động phổ thông 200.000đ/ngày, do đó công người chăm sóc là 35 ngày x 200.000đ = 7.000.000đ. Do đó HĐXX chỉ chấp nhận tiền mất thu nhập của người chăm sóc là 7.000.000đ;

Đối với yêu cầu về khoản chi phí ngoài cả 2 đợt là 8.000.000đ không có căn cứ pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với yêu cầu về tổn thất tinh thần của anh T A theo quy định pháp luật thì HĐXX thấy rằng: Anh T A bị tổn hại 16% sức khỏe nên HĐXX căn cứ khoản 2 điều 590 chấp nhận với mức 09 tháng lương tối thiểu tại thời điểm hiện tại là 09 tháng $\times 1.490.000\text{đ} = 13.410.000\text{đ}$.

HĐXX xét thấy Bị hại là anh Lê T A bị các Bị cáo: Hà Văn H, Hà Văn T và Nguyễn Văn L gây thương tích tổn hại 16% sức khỏe nên HĐXX căn cứ điều 48 Bộ luật Hình sự và các điều 590 và 357 Bộ luật Dân sự buộc các Bị cáo H, T và L phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Lê T A gồm: Chi phí điều trị tại Bệnh viện Đa khoa H và Bệnh viện đa khoa tỉnh T cả ba đợt là 25.620.685đ; Tiền thuốc 3.000.000đ; Tiền xe cả 3 đợt là 3.000.000đ; Tiền mua nẹp vít 3.000.000đ; Tiền mất thu nhập của bệnh nhân là 18.240.000đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc là 7.000.000đ; Bù đắp tổn thất tinh thần = 13.410.000đ. Tổng cộng = 73.270.685đ.

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của Bị cáo T và bị cáo N mỗi Bị cáo đã bồi thường thiệt hại số tiền 10.000.000đ cho bị hại Lê T Anh, số tiền còn lại 53.270.685đ buộc các bị cáo H, T và L tiếp tục bồi thường.

Chia phần mỗi Bị cáo H, T và L phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Bị hại Lê T A là 17.756.895đ.

[9] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là các mảnh vỡ thủy tinh(dạng cốc thủy tinh) có kích thước khác nhau là những vật không có giá trị nên HĐXX căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu và tiêu hủy.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điểm d khoản 3 điều 134; Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với Bị cáo Hà Văn H.

- Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn H phạm tội : "Cố ý gây thương tích" và tội: "Gây rối trật tự công cộng".

- Xử phạt: Bị cáo Hà Văn H 05(năm) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 02(hai) năm 06(sáu)tháng tù về tội: "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội 07(bảy)năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/4/2022.

- Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 điều 134; Điểm b khoản 2 điều 318; Điều 17; Điều 58; Điều 55; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51 đối với các Bị cáo: Hà Văn T, Hà Văn T, Bùi Văn N và Nguyễn Văn L. Áp dụng thêm điểm h khoản 1 điều 52 BLHS đối với Bị cáo Hà Văn T; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 BLHS đối với các bị cáo Hà Văn T và Bùi Văn N;

- Tuyên bố: Các bị cáo: Hà Văn T, Hà Văn T, Bùi Văn N và Nguyễn Văn L phạm tội : "Cố ý gây thương tích" và tội: "Gây rối trật tự công cộng".

- Xử phạt: Bị cáo Hà Văn T 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích " và 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là 05(năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/4/2022

Bị cáo Hà Văn T 02(hai) năm 05(năm) tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích " và 02(hai) năm 03(ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội 04(bốn) năm 08(tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/4/2022

Bị cáo Bùi Văn N 02(hai) năm 03(ba) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 02(hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội 04(bốn) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/4/2022

Bị cáo Nguyễn Văn L 02(hai) năm 02(hai) tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích " và 02(hai) năm 03(ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là 04(bốn) năm 05(năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/4/2022;

- Về phần Dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 590; Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Buộc các Bị cáo Hà Văn H, Hà Văn T và Bùi Văn N phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Bị hại Dương Quang C gồm: Chi phí điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực cả hai đợt là 45.613.596đ; Tiền thuốc 3.936.000đ; Tiền xe cả 2 đợt là 2.000.000đ; Tiền mất thu nhập của bệnh nhân là 19.935.500đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc là 3.800.000đ; Bù đắp tổn thất tinh thần = 19.370.000đ. Tổng cộng = 94.655.096đ.

Chia phần mỗi Bị cáo Hà Văn H, Hà Văn T và Bùi Văn N phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Bị hại Dương Quang C số tiền 31.551.698đ.

Bị cáo Hà Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Dương Quang C số tiền 10.000.000đ, số tiền còn lại 21.551.698đ buộc Bị cáo Hà Văn T tiếp tục bồi thường.

Bị cáo Bùi Văn N đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Dương Quang C số tiền 10.000.000đ, số tiền còn lại 21.551.698đ buộc Bị cáo Bùi Văn N tiếp tục bồi thường.

Buộc các Bị cáo Hà Văn H, Hà Văn T và Nguyễn Văn L phải liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Lê T A gồm: Chi phí điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực và Bệnh viện đa khoa tỉnh T cả ba đợt là 25.620.685đ; Tiền thuốc 3.000.000đ; Tiền xe cả 3 đợt là 3.000.000đ; Tiền nẹp vít 3.000.000đ; Tiền mất thu nhập của bệnh nhân là 18.240.000đ; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc là 7.000.000đ; Bù đắp tổn thất tinh thần = 13.410.000đ. Tổng cộng = 73.270.685đ.

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của Bị cáo T và bị cáo N mỗi Bị cáo đã hỗ trợ số tiền 10.000.000đ cho bị hại Lê T A , số tiền còn lại 53.270.685đ buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường.

Chia phần mỗi Bị cáo Hà Văn H, Hà Văn T và Nguyễn Văn L phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho Bị hại Lê T A là 17.756.895đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trừ T hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS;

Tịch thu tiêu hủy: Các mảnh vỡ thủy tinh (dạng cốc thủy tinh) có kích thước khác nhau. Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 83 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Hà Văn H, Hà Văn T, Hà Văn T, Bùi Văn N và Nguyễn Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST;

Bị cáo Hà Văn H phải chịu án phí DSST là 2.469.093đ, tổng = 2.669.093đ;

Bị cáo Hà Văn T phải chịu án phí DSST là 887.844đ, tổng = 1087.844đ;

Bị cáo Hà Văn T phải chịu án phí DSST là 1.077.584đ, tổng = 1.277.584đ;

Bị cáo Bùi Văn N phải chịu án phí DSST là 1.077.584đ, tổng = 1.277.584đ;

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí DSST là là 887.844đ, tổng = 1087.844đ;

Các bị cáo và các Bị hại có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- Bị cáo; Bị hại
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng